

Phụ lục II
ĐƠN GIÁ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI CÂY LÂU NĂM
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày tháng 5 năm 2025
của UBND tỉnh Đắk Lắk)

1. Cây cà phê: Mật độ 1.111 cây/ha

Tuổi cây	Đơn giá bồi thường (đồng/ha)	Tuổi cây	Đơn giá bồi thường (đồng/ha)
Năm thứ 1 (KTCB)	381.261.093	Năm thứ 13	2.126.764.023
Năm thứ 2 (KTCB)	533.388.390	Năm thứ 14	1.907.567.523
Năm thứ 3 (KTCB)	861.100.511	Năm thứ 15	1.688.371.023
Năm thứ 4	3.049.532.523	Năm thứ 16	1.469.174.523
Năm thứ 5	3.040.336.023	Năm thứ 17	1.249.978.023
Năm thứ 6	3.031.139.523	Năm thứ 18	1.030.781.523
Năm thứ 7	3.021.943.023	Năm thứ 19	811.585.023
Năm thứ 8	3.012.746.523	Năm thứ 20	644.888.523
Năm thứ 9	3.003.550.023	Năm thứ 21	478.192.023
Năm thứ 10	2.784.353.523	Năm thứ 22	311.495.523
Năm thứ 11	2.565.157.023	Năm thứ 23	144.799.023
Năm thứ 12	2.345.960.523	-	-

2. Cây cao su (trồng trên đất sản xuất nông nghiệp): Mật độ 555 cây/ha

Tuổi cây	Đơn giá bồi thường (đồng/ha)	Tuổi cây	Đơn giá bồi thường (đồng/ha)
Năm thứ 1 (KTCB)	195.988.288	Năm thứ 14	461.365.596
Năm thứ 2 (KTCB)	289.765.362	Năm thứ 15	419.077.596
Năm thứ 3 (KTCB)	405.890.219	Năm thứ 16	376.789.596
Năm thứ 4 (KTCB)	513.894.550	Năm thứ 17	334.501.596
Năm thứ 5 (KTCB)	633.031.195	Năm thứ 18	292.213.596
Năm thứ 6 (KTCB)	749.153.493	Năm thứ 19	249.925.596
Năm thứ 7	577.381.596	Năm thứ 20	207.637.596
Năm thứ 8	571.093.596	Năm thứ 21	165.349.596
Năm thứ 9	564.805.596	Năm thứ 22	123.061.596
Năm thứ 10	558.517.596	Năm thứ 23	116.773.596
Năm thứ 11	552.229.596	Năm thứ 24	110.485.596
Năm thứ 12	545.941.596	Năm thứ 25	104.197.596
Năm thứ 13	503.653.596	Năm thứ 26	97.909.596

3. Cây hồ tiêu trồng trên trụ sống: Mật độ 1.600 trụ/ha

Tuổi cây	Đơn giá bồi thường (đồng/ha)	Tuổi cây	Đơn giá bồi thường (đồng/ha)
Năm thứ 1 (KTCB)	775.239.618	Năm thứ 9	2.090.705.425
Năm thứ 2 (KTCB)	1.057.430.185	Năm thứ 10	1.746.949.925
Năm thứ 3 (KTCB)	1.437.401.317	Năm thứ 11	1.403.194.425
Năm thứ 4	3.029.482.925	Năm thứ 12	1.059.438.925

Năm thứ 5	2.945.727.425	Năm thứ 13	715.683.425
Năm thứ 6	2.861.971.925	Năm thứ 14	462.927.925
Năm thứ 7	2.778.216.425	Năm thứ 15	210.172.425
Năm thứ 8	2.434.460.925	-	-

4. Cây hồ tiêu trồng trên trụ bê tông: Mật độ 1.600 trụ/ha

Tuổi cây	Đơn giá bồi thường (đồng/ha)	Tuổi cây	Đơn giá bồi thường (đồng/ha)
Năm thứ 1 (KTCB)	1.243.427.362	Năm thứ 8	1.748.494.353
Năm thứ 2 (KTCB)	1.464.124.541	Năm thứ 9	1.412.595.353
Năm thứ 3 (KTCB)	1.858.043.156	Năm thứ 10	1.076.696.353
Năm thứ 4	2.702.090.353	Năm thứ 11	740.797.353
Năm thứ 5	2.561.191.353	Năm thứ 12	469.898.353
Năm thứ 6	2.420.292.353	Năm thứ 13	198.999.353
Năm thứ 7	2.084.393.353	-	-

5. Cây điều: Mật độ 208 cây/ha

Tuổi cây	Đơn giá bồi thường (đồng/ha)	Tuổi cây	Đơn giá bồi thường (đồng/ha)
Năm thứ 1 (KTCB)	123.495.761	Năm thứ 18	296.350.303
Năm thứ 2 (KTCB)	185.569.475	Năm thứ 19	274.004.636
Năm thứ 3 (KTCB)	268.349.245	Năm thứ 20	251.658.970
Năm thứ 4	585.189.636	Năm thứ 21	229.313.303
Năm thứ 5	570.843.970	Năm thứ 22	206.967.636
Năm thứ 6	556.498.303	Năm thứ 23	184.621.970
Năm thứ 7	542.152.636	Năm thứ 24	162.276.303
Năm thứ 8	519.806.970	Năm thứ 25	139.930.636
Năm thứ 9	497.461.303	Năm thứ 26	117.584.970
Năm thứ 10	475.115.636	Năm thứ 27	95.239.303
Năm thứ 11	452.769.970	Năm thứ 28	80.893.636
Năm thứ 12	430.424.303	Năm thứ 29	66.547.970
Năm thứ 13	408.078.636	Năm thứ 30	52.202.303
Năm thứ 14	385.732.970	Năm thứ 31	37.856.636
Năm thứ 15	363.387.303	Năm thứ 32	23.510.970
Năm thứ 16	341.041.636	Năm thứ 33	9.165.303
Năm thứ 17	318.695.970	-	-

6. Cây Ca cao: Mật độ 1.111 cây/ha

Tuổi cây	Đơn giá bồi thường (đồng/ha)	Tuổi cây	Đơn giá bồi thường (đồng/ha)
Năm thứ 1 (KTCB)	409.951.419	Năm thứ 12	1.164.844.930
Năm thứ 2 (KTCB)	527.148.211	Năm thứ 13	1.041.379.930
Năm thứ 3	1.976.029.930	Năm thứ 14	917.914.930
Năm thứ 4	1.912.564.930	Năm thứ 15	794.449.930
Năm thứ 5	1.849.099.930	Năm thứ 16	670.984.930
Năm thứ 6	1.785.634.930	Năm thứ 17	547.519.930

Tuổi cây	Đơn giá bồi thường (đồng/ha)	Tuổi cây	Đơn giá bồi thường (đồng/ha)
Năm thứ 7	1.722.169.930	Năm thứ 18	424.054.930
Năm thứ 8	1.658.704.930	Năm thứ 19	300.589.930
Năm thứ 9	1.535.239.930	Năm thứ 20	222.124.930
Năm thứ 10	1.411.774.930	Năm thứ 21	143.659.930
Năm thứ 11	1.288.309.930	-	-

7. Cây Sầu riêng: Mật độ 156 cây/ha

Tuổi cây	Đơn giá bồi thường (đồng/ha)	Tuổi cây	Đơn giá bồi thường (đồng/ha)
Năm thứ 1 (KTCB)	557.294.752	Năm thứ 10	3.303.321.015
Năm thứ 2 (KTCB)	738.944.110	Năm thứ 11	2.832.645.745
Năm thứ 3 (KTCB)	1.013.240.004	Năm thứ 12	2.361.970.476
Năm thứ 4 (KTCB)	1.265.357.325	Năm thứ 13	1.891.295.207
Năm thứ 5	4.900.697.361	Năm thứ 14	1.420.619.938
Năm thứ 6	4.682.022.092	Năm thứ 15	949.944.668
Năm thứ 7	4.463.346.822	Năm thứ 16	623.269.399
Năm thứ 8	4.244.671.553	Năm thứ 17	296.594.130
Năm thứ 9	3.773.996.284	-	-

8. Cây Nhãn: Mật độ 400 cây/ha

Tuổi cây	Đơn giá bồi thường (đồng/ha)	Tuổi cây	Đơn giá bồi thường (đồng/ha)
Năm thứ 1 (KTCB)	262.213.799	Năm thứ 14	843.264.324
Năm thứ 2 (KTCB)	348.825.839	Năm thứ 15	740.936.824
Năm thứ 3 (KTCB)	529.051.044	Năm thứ 16	638.609.324
Năm thứ 4 (KTCB)	586.707.395	Năm thứ 17	536.281.824
Năm thứ 5	1.494.211.824	Năm thứ 18	433.954.324
Năm thứ 6	1.445.884.324	Năm thứ 19	331.626.824
Năm thứ 7	1.397.556.824	Năm thứ 20	229.299.324
Năm thứ 8	1.349.229.324	Năm thứ 21	194.471.824
Năm thứ 9	1.300.901.824	Năm thứ 22	159.644.324
Năm thứ 10	1.252.574.324	Năm thứ 23	124.816.824
Năm thứ 11	1.150.246.824	Năm thứ 24	89.989.324
Năm thứ 12	1.047.919.324	Năm thứ 25	55.161.824
Năm thứ 13	945.591.824	Năm thứ 26	20.334.324

Ghi chú:

- Tỷ lệ bồi thường thiệt hại đối với cây lâu năm:
Đơn giá bồi thường được quy định trong các bảng tại Phụ lục này là mức bồi thường cho cây trồng loại A.
- Cây trồng loại B bằng 80% mức bồi thường của cây loại A.
- Cây trồng loại C bằng 60% mức bồi thường của cây loại A.
- Giải thích từ ngữ viết tắt: KTCB là kiến thiết cơ bản.

3. Tiêu chí đánh giá chất lượng cây trồng theo loại A, B, C được quy định chi tiết tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Quyết định này.

4. Đối với các tổ chức, cá nhân có thuê đất để sản xuất nông nghiệp thì khi xây dựng phương án bồi thường được tính thêm chi phí thuê đất theo quy định để xác định tổng chi phí đầu tư khi bồi thường thiệt hại